TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày 13-8-2020
V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị B, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Số 142, đường CS, ấp RT, xã RP, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh – (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Vân A, sinh năm 1983; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp BH, xã PB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ tạm trú: Khu phố AT, phường AT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị B trình bày:

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bà có cho bà Huỳnh Thị Vân A vay số tiền 160.000.000 đồng, mục đích để trả nợ đáo hạn Ngân hàng, ngay sau khi nhận tiền, bà viết nội dung vay tiền, bà Huỳnh Thị Vân A ký tên và viết họ tên đồng thời bà

ký tên và viết họ tên "Người cho mượn tiền" vào tờ giấy viết tay có nội dung:
"Huỳnh Thị Vân A, Sn: 1983.
Ấp Bình Hòa – Xã Bình Thạnh – TB – TN
CMND: 072183002619
Có mượn 160.000.000 Đ
(Một trăm Sáu mươi triệu đồng)".

Hai bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 2.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày, thời hạn trả nợ 01 ngày là ngày 21-6-2019 bà Vân A vay được tiền tại Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh thì bà Vân A trả cho bà số tiền 160.000.000 đồng nợ gốc và trả tiền lãi suất theo thỏa thuận nhưng đúng hẹn bà Vân A không trả nợ cho bà.

Lần vay tiền trên giấy nợ chỉ lập 01 bản do bà giữ, không người làm chứng, không công chứng, chứng thực.

Bà Vân A chưa trả cho bà tiền lãi, có trả tiền nợ gốc 02 lần tổng số tiền 88.500.000 đồng cụ thể như sau:

Lần 01: Ngày 08-8-2019 trả 80.000.000 đồng.

Lần 02: Ngày 02-3-2020 trả 8.500.000 đồng.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Vân A trả số tiền nợ gốc 71.500.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa bà yêu cầu tính tiền lãi 20%/năm từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Vân A trình bày thể hiện trong hồ sơ:

Bà thừa nhận ngày 20-6-2019, bà có vay của bà Đặng Thị B số tiền 160.000.000 đồng nợ gốc. Hai bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 2.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày, thời hạn trả nợ là ngày 21-6-2019 khi bà vay được tiền tại Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh thì bà trả cho bà B số tiền 160.000.000 đồng nợ gốc và trả tiền lãi suất theo thỏa thuận nhưng bà không vay được tiền Ngân hàng nên bà chưa trả đủ nợ gốc cho bà B.

Bà chưa trả cho bà B tiền lãi, có trả tiền nợ gốc 02 lần tổng số tiền 88.500.000 đồng như lời trình bày của bà B là đúng.

Bà đồng ý trả cho bà B số tiền 71.500.000 đồng nợ gốc và trả tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước`thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị B "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" đối với bà Huỳnh Thị Vân A.

Buộc bà Huỳnh Thị Vân A phải có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị B số tiền nợ gốc là 71.500.000 đồng và trả tiền lãi vay theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. .

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Vân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Huỳnh Thị Vân A vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà B khởi kiện yêu cầu bà Vân A trả số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Trước và tại phiên tòa, bà B yêu cầu bà Vân A trả số tiền nợ gốc 71.500.000 đồng và trả tiền lãi 20%/ năm từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà B không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà B theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của bà B yêu cầu bà Vân A trả số tiền nợ gốc 71.500.000 đồng, và yêu cầu trả tiền lãi 20%/ năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Vân A trình bày: Thừa nhận việc bà Vân A có vay của bà B số tiền 160.000.000 đồng nợ gốc, đã trả 88.500.000 đồng nợ gốc, chấp nhận trả số tiền 71.500.000 đồng nợ gốc và trả tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Do đó, có căn cứ khẳng định bà Vân A có vay của bà B số tiền 160.000.000 đồng nợ gốc vào ngày 20-6-2019 như bà B đã trình bày.

Tuy giấy vay tiền do bà Vân A ký tên không ghi lãi suất nhưng khi giao nhận tiền vay, các đương sự thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày, bà B và bà Vân A trình bày chưa trả tiền lãi.

Đây là trường hợp vay có kỳ hạn, có lãi suất nhưng mức lãi suất thỏa thuận vượt quá mức lãi suất theo quy định pháp luật nên lãi suất theo thỏa thuận giữa bà B và bà Vân A không có hiệu lực. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chiết tính tiền lãi như sau:

Từ ngày 20-6-2019 đến ngày 08-8-2019 là 01 tháng 19 ngày.

160.000.000 đồng x 20%/ năm x 01 tháng 19 ngày = 4.355.554 đồng.

Từ ngày 08-8-2019 đến ngày 02-3-2020 là 06 tháng 23 ngày.

80.000.000 đồng x 20%/ năm x 06 tháng 23 ngày = 9.022.221 đồng.

Từ ngày 02-3-2020 đến ngày 13-8-2020 là 05 tháng 11 ngày.

71.500.000 đồng x 20%/ năm x 05 tháng 11 ngày = 6.395.277 đồng.

Tổng số tiền bà Vân A phải trả cho bà B là:

71.500.000 đồng + 4.355.554 đồng + 9.022.221 đồng + 6.395.277 đồng = 91.273.052 đồng.

Làm tròn số là 91.273.000 đồng

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà B. Buộc bà Vân A có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 91.273.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị B "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Huỳnh Thị Vân A.

Buộc bà Huỳnh Thị Vân A phải có trách nhiệm trả cho Đặng Thị B số tiền nợ gốc là 71.500.000 đồng và trả tiền lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị B "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" đối với bà Huỳnh Thị Vân A.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Vân A có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị B số tiền 91.273.000 (chín mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn) đồng (trong đó nợ gốc 71.500.000 đồng và nợ lãi 19.773.000 đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Đặng Thị B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.115.000 (hai triệu một trăm mười lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017976 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Buộc bà Huỳnh Thị Vân A phải chịu 4.563.650 (bốn triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Báo cho bà B biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX Trảng Bàng;
- Các đương sự.;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Nghện